TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2017/HC-PT
Ngày 24 tháng 8 năm 2017
V/v: "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Đặng An Thanh

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2016/TLPT-HC ngày 06 tháng 9 năm 2016 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 15/2016/HC-ST ngày 13 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 276/2017/QĐ - PT ngày 15 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Lê Văn L, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lê Hữu P – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt)

- *Người bị kiện*:

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp

Địa chỉ: Số 12, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện T2, tỉnh Đồng Tháp;

3/ Uỷ ban nhân dân huyện T2, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn T, huyện T2, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Lê Văn C, sinh năm 1926 (chết ngày 25/02/2017)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Tháp.

Chổ ở hiện nay: Ấp 1, xã G, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Người khởi kiện ông Lê Văn L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2015 và biên bản đối thoại ngày 20/5/2016 người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ngày 14/5/1997, ông Lê Văn L được Uỷ ban nhân dân (UBND) huyện T2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00228/QSDĐ/A3, diện tích 65.008m^2, tờ bản đồ số 09, thửa 11, mục đích sử dụng 1L, tọa lạc tại ấp T, xã T1, huyện T2.

Đến tháng 08/2012, UBND huyện tự tách thửa, đo đạc lại và được tách thành các thửa như sau:

- Giấy CN QSDĐ số: CH00772, thửa 772;
- Giấy CN QSDĐ số: CH0075, thửa 786;
- Giấy CN QSDĐ số: CH00773, thửa số 773;
- Giấy CN QSDĐ số: CH00774, thửa số 774;
- Giấy CN QSDĐ số: CH00775, thửa số 775.

Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) trên UBND huyện T2 đều cấp cho hộ ông Lê Văn L.

Sau đó, ông Lê Văn C khiếu nại nên UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 112/QĐ-UBND-HC ngày 09/9/2013 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số: CH0075, thửa 786, tờ bản đồ số 09, diện tích 22.932m^2, mục đích sử dụng là đất chuyên trồng lúa, của hộ ông Lê Văn L, với lý do cấp sai đối tượng.

Ông L không đồng ý nên khiếu nại đến UBND huyện T2.

Đến ngày 27/6/2014, Chủ tịch UBND huyện T2 ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 14/QĐ-UBND-NC với nội dung bác đơn khiếu nại của ông L, không đồng ý với quyết định số 14, ông L tiếp tục khiếu nại đến UBND Tỉnh.

Ngày 10/11/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành quyết định số 358/QĐ-UBND-NĐ, với nội dung giữ nguyên quyết định số 14 của Chủ tịch UBND huyện T2. Ông L không đồng ý nên khởi kiện tại Tòa.

Ông L cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông lần đầu và cấp đổi lần sau đều đúng đối tượng sử dụng đất, hơn nữa phần đất này ông L đã sử dụng ổn định hơn 15 năm không có tranh chấp. Ngoài ra, trên phần đất thu hồi có nhà ở, vật kiến trúc và cây lâu năm, UBND huyện thu hồi nhưng không có giải quyết đối với vật kiến trúc, cây trồng trên đất và hiện tại thì đối với phần đất này ông L đã cho thuê từ năm 2010 cho đến nay.

Nguồn gốc đất là của ông C và ông L mua, nhưng số tiền mua đất là của ông L. Sau đó, ông C cho ông L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã sử dụng ổn định trên 15 năm mà thu hồi do cấp sai đối tượng là không đúng quy định pháp luật. Khi giải quyết thì những vật kiến trúc, cây trồng trên đất thì không giải quyết là không hợp pháp.

Nay ông L khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định sau:

- Quyết định số 112/QĐ-UBND-HC ngày 09/9/2013 của UBND huyện T2;

- Quyết định số 14/QĐ-UBND-NC ngày 27/06/2014 của Chủ tịch UBND huyện T2;

- Quyết định số 358/QĐ-UBND-NĐ ngày 10/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 22/01/2016 và biên bản đối thoại ngày 20/5/2016, người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp trình bày:

Nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Cao T được nhà nước cấp năm 1991.

Năm 1992, ông Nguyễn Văn H và ông Nguyễn Cao T chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn C (là cha của ông Lê Văn L) sử dụng, đồng thời ông C có trách nhiệm trả tiền xáng múc kênh cho nhà nước thay ông T và ông H.

Năm 1997, do không biết chữ và đi lại khó khăn trong việc thực hiện giao dịch về quyền sử dụng đất và vay vốn ngân hàng tạo điều kiện trong sản xuất nông nghiệp nên ông C thống nhất để cho ông Lê Văn L đại diện gia đình đứng tên đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 14/5/1997, UBND huyện T2 cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ ông Lê Văn L, diện tích 65.008 m^2, mục đích sử dụng 1L, thửa số 11, tờ bản đồ số 09, tại xã T1. Mặc dù, ông L đứng tên trên Giấy chứng nhận nhưng thực tế ông C là người trực tiếp quản lý sử dụng (vì ông L sống chung với ông C). Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông C chia đất cho các con và cháu cụ thể như sau:

- Con: Lê Văn L, diện tích 11.000m^2
- Con: Lê Thị Phượng L1, diện tích 10.000m^2
- Con: Lê Thị L2, diện tích 15.000m^2
- Cháu nội: Lê Thị Hồng H, diện tích 5.000m^2
- Diện tích còn lại của ông C là 24.008m^2

Sau khi chia đất thì các hộ này sử dụng ổn định đến thời điểm hiện nay không tranh chấp.

Năm 2009, ông L xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 09/12/2009, ông L được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 383767, thửa số 11, tờ bản đồ số 09, diện tích 65.008 m^2, mục đích sử dụng đất trồng lúa, tọa lạc xã T1.

Năm 2012, ông Lê Văn L xin tách thửa. Ngày 17/8/2012, UBND huyện T2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L gồm:

- Thửa 771, diện tích 12.076 m^2, tờ bản đồ số 09, xã T1;
- Thửa 772, diện tích 10.000 m^2, tờ bản đồ số 09, xã T1;
- Thửa 773, diện tích 5.000 m^2, tờ bản đồ số 09, xã T1;
- Thửa 774, diện tích 15.000 m^2, tờ bản đồ số 09, xã T1;
- Thửa 786, diện tích 22.932 m^2, tờ bản đồ số 09, xã T1.

Sau khi biết ông L tách thửa và đứng tên trên các thửa đất mà ông C đã chia, ông C yêu cầu ông L tách quyền sử dụng cho từng hộ riêng biệt nhưng ông L chỉ đồng ý tách quyền sử dụng cho bà L1, bà L2, bà H còn phần ông C thì phải để ông L đứng tên. Ông C không đồng ý nên khiếu nại yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận đã cấp cho ông L và cấp lại cho các hộ đang trực tiếp sử dụng mà ông C đã chia.

Ngày 09/9/2013, UBND huyện T2 ban hành các Quyết định số 111,112,113 và 114/QĐ-UBND-NC về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Lê Văn L.

Ông L thống nhất với các Quyết định số 111,113 và 114, nhưng không thống nhất đối với Quyết định số 112 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00775 diện tích 22.932m^2, thửa số 786 nên có đơn khiếu nại.

Ngày 27/6/2014, Chủ tịch UBND huyện T2 ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND-NC, bác đơn khiếu nại của ông Lê Văn L. Giữ nguyên Quyết định số 112/QĐ-UBND-NC ngày 09/9/2013 của UBND huyện T2. Ông L không thống nhất nên khiếu nại đến UBND tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 10/11/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 358/QĐ-UBND-NĐ giữ nguyên Quyết định số 14/QĐ-UBND-NC ngày 27 tháng 6 năm 2014 của Chủ tịch UBND huyện T2. Ông L không đồng ý nên khởi kiện tại tòa, yêu cầu hủy Quyết định số 358 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp là không có căn cứ. Vì việc ông Lê Văn C nhận chuyển nhượng đất của ông H và ông T vào năm 1992 là có thật, hiện nay ông H và ông T vẫn thừa nhận có chuyển nhượng đất cho ông Lê Văn C chứ không chuyển nhượng đất cho ông L (theo tờ xác nhận của ông Nguyễn Văn H lập ngày 24/02/2012 và tờ tường trình của ông Nguyễn Cao T

lập ngày 24/02/2012).

Sau khi nhận chuyển nhượng ông C tiến hành phân chia đất cho các con (trong đó có hộ ông Lê Văn L và ông L cũng thừa nhận). Tuy nhiên, do ông L là con trai một và ở chung nhà với ông C. Từ năm 2010, sau khi bà Đặng Thị N (vợ ông C) chết thì ông C không ở chung nhà với ông L mà về ở xã G, huyện C (căn nhà bà N). Phần đất 22.932 m^2 cho ông L thuê. Năm 2011, diện tích 22.932 m^2 ông C cho con rễ là Nguyễn Văn K (chồng bà L1) thuê cho đến nay. Do vậy, ông C yêu cầu cấp Giấy chứng nhận diện tích 22.932m^2 thuộc thửa 786 là phù hợp với quy định Luật Đất đai.

Ngoài ra, ông L trình bày tiền mua đất là của ông L, nhưng ông không có gì chứng minh. Mặt khác, người bán đất chỉ thừa nhận là bán cho ông C chứ không bán cho ông L. Việc ông L đứng tên trên giấy là do ông C đồng ý để cho ông L đứng tên, đối với diện tích 22.932 m^2 là của ông C và ông L cũng thừa nhận việc này.

Mặt khác, UBND huyện T2 ban hành quyết định 112 về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chứ không phải thu hồi đất, thu hồi giấy để cấp lại cho đúng đối tượng, nên đối với cây trồng và nhà trên đất, UBND huyện sẽ giải quyết sau khi xác minh được đối tượng sử dụng đất để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ những nội dung trên, căn cứ Điểm d Khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 quy định Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ Khoản 2 Điều 25 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ (nay là Khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014) quy định giải quyết, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp không đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Từ những căn cứ trên, Chủ tịch UBND Tỉnh đề nghị giữ nguyên Quyết định số 358/QĐ-UBND-NĐ ngày 10/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

Theo văn bản ngày 02/02/2016 và biên bản đối thoại ngày 20/5/2016, người bị kiện là UBND huyện T2 và Chủ tịch UBND huyện T2 trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp, đề nghị giữ nguyên Quyết định số 112/QĐ-UBND-HC ngày 09/9/2013 của UBND huyện T2 và Quyết định số 14/QĐ-UBND-NC ngày 27/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện T2;

Tại bản án hành chính sơ thẩm 15/2016/HC-ST ngày 13 tháng 7 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Áp dụng Điều 3, Điều 28, Điều 29, Điều 103 Luật Tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 127 Luật Đất đai;

Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí tòa án;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 112/QĐ-UBND-HC ngày 09/9/2013 của UBND huyện T2; Quyết định số 14/QĐ-UBND-NC ngày 27/6/2014 của Chủ tịch UBND huyện T2 và Quyết định số 358/QĐ-UBND-NĐ ngày 10/11/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/7/2016 ông Lê Văn L kháng cáo đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm như sau:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người có quyền, nghĩa vụ lien quan là ông Lê Văn C chết, Tòa án đã hoãn phiên tòa yêu cầu đương sự làm thủ tục để xác định những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C, tuy nhiên các đương sự đã không thực hiện. Để nhằm đảm bảo quyền, lợi ích cho các đương sự theo quy định của Luật tố tụng Hành chính, đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, lời khai của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người có quyền, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn C chết, Tòa án cấp phúc thẩm đã yêu cầu các đương sự thực hiện thủ tục cung cấp những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông C để đưa họ tham gia tố tụng theo luật định. Tuy nhiên, các đương sự đã không thực hiện.

[2] Về nội dung: Nguồn gốc diện tích đất 22.932m^2 thuộc thửa số 786 nằm trong tổng diện tích đất 65.008m^2 , thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 09, tọa lạc tại xã T1, huyện T2, tỉnh Đồng Tháp. Tổng diện tích đất này đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phía người khởi kiện ông Lê Văn L vào năm 1997. Năm 2009, ông L xin cấp đổi và đến ngày 09/12/2009 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 383767 cũng với tổng diện tích đất nêu trên. Đến năm 2012, ông Lê Văn L làm thủ tục xin tách thửa đối với tổng diện tích đất trên thành 05 thửa và đến ngày 17/8/2012, UBND huyện T2 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông gồm các thửa 771, 772, 773, 774 và 786.

Bản án sơ thẩm thể hiện: Sau khi biết con mình là ông L tách thửa và đứng tên trên các thửa đất này, ông C đã khiếu nại vì cho rằng, thời điểm năm 1997 sau khi đồng ý để ông L đứng tên trên toàn bộ diện tích đất này, ông đã tiến hành chia đất cho các con và cháu cụ thể như sau:

- Con: Ông Lê Văn L diện tích 11.000 m^2.
- Con: Lê Thị Phượng L1 10.000m^2.
- Con: Lê Thị L2 15.000m^2 .
- Cháu nội: Lê Thị Hồng H 5.000m^2.

Diện tích đất còn lại 24.008m^2 thuộc về ông C.

Nay việc ông L tự tách sổ và đứng tên mình ông không đồng ý và đề nghị thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L và cấp lại cho các hộ mà ông đã chia. Vì ông cho rằng ông và các con chỉ nhờ ông L đứng tên dùm chứ không phải cho đất ông L.

Với yêu cầu khiếu nại của ông C, UBND huyện T2, tỉnh Đồng Tháp đã ban hành các Quyết định số 111, 112, 113 và 114 vào ngày 09/9/2013, thu hồi các giấy chứng nhận trên, đồng thời ban hành kèm theo các quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Đối với các quyết định thu hồi và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, ông L chỉ đồng ý với việc thu hồi các diện tích đất tại thửa 771, 772, 773, 774 và không đồng ý với việc thu hồi diện tích đất tại thửa 786 theo Quyết định số 112. Nên ông đã khiếu nại và khởi kiện việc thu hồi trên, đồng thời khởi kiện đối với các quyết định giải quyết khiếu nại của UBND huyện T2 và UBND tỉnh Đồng Tháp.

Khi xem xét cách giải quyết yêu cầu khiếu nại của UBND và quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L tại Tòa án cấp sơ thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Thứ nhất: Về cách giải quyết yêu cầu khiếu nại của UBND huyện T2.

Các chứng cứ đã thu thập thể hiện: Ông C và những người con gồm bà Lê Thị M, bà Lê Thị K, bà Lê Thị Phượng L1, bà Lê Thị L2 đều cho rằng đất là của ông C nhận sang nhượng lại của ông T và ông H, ông C và các thành viên trong gia đình chỉ để ông L đứng tên dùm, vì vậy nay yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L để ông C chia, tách cho các con và cháu. Như vậy, vấn đề mà các đương sự yêu cầu ở đây là thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 383767 được cấp ngày 09/12/2009 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp trước đó cho ông L vào ngày 14/5/1997, đồng thời yêu cầu thu hồi và hủy các giấy chứng nhận mà ông L vừa tách thửa vào năm 2012.

Lẽ ra, ở trường hợp này nếu khi có đủ căn cứ để xác định đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông C chứ không phải của ông L, và thực chất ông L chỉ là

đứng tên dùm thì UBND phải tiến hành thu hồi tất cả giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích đất nêu trên đang do ông L đứng tên chủ sử dụng. Việc UBND huyện T2 chỉ tiến hành thu hồi các giấy chứng nhận do ông L tách thửa vào năm 2012 là không phù hợp, bởi vì sau khi thu hồi và hủy các giấy chứng nhận này nhưng quyền sử dụng đất vẫn thuộc về ông L. Việc này được thể hiện ở chỗ giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất số AO 383767 cấp cho ông L vẫn đang tồn tại và có giá trị pháp lý. Trong khi đó, lý do thu hồi của UBND tại các quyết định thu hồi vào ngày 09/9/2013 lại là "cấp không đúng đối tượng"? trong khi ông L vẫn đang là người đứng tên chủ sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thứ hai: Về quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Chứng cứ tại hồ sơ thể hiện: Ông C cho rằng, nguồn gốc đất ông đã nhận sang nhượng lại của ông H và ông T vào năm 1992, đến năm 1997 do không biết chữ và đi lại khó khăn trong việc thực hiện giao dịch về đất đai và vay vốn ngân hàng nên ông C và các con thống nhất để cho ông L đại diện gia đình đứng tên đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và đến năm 1997 ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi ông L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông C tiến hành chia đất cho các con, cháu và hiện nay những người này vẫn đang canh tác trên diện tích đất được cho do ông L đứng tên.

Như vậy, để có cơ sở trong việc xem xét về nguồn gốc đất đăng ký thì cần phải thu thập toàn bộ hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn L vào năm 1997. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu này là thiếu sót và không đủ cơ sở để đánh giá.

Về việc xác định tư cách đương sự: Như đã nêu ở trên, toàn bộ diện tích đất do ông Lê Văn L đứng tên, những người đang trực tiếp sử dụng đất gồm có ông L, ông C, bà L1, bà L2, cháu H. Những người này đều có yêu cầu như ông C (người có quyền, nghĩa vụ liên quan) rằng chỉ để ông L đứng tên tạm thời, nay đề nghị ông L tách sổ cho họ theo diện tích đất được ông C chia, nhưng tòa án cấp sơ thẩm đã

không xác định tư cách và đưa họ tham gia tố tụng trong vụ án là bỏ sót tư cách của đương sự.

Về việc xác định đối tượng khởi kiện: Như đã đề cập ở trên, với các quyết định thu hồi đất của ông Lê Văn L, ông L chỉ không đồng ý và khởi kiện yêu cầu hủy đối với Quyết định số 112 về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00775, thửa số 786 với diện tích là 22.932m^2 của UBND huyện T2. Trong khi đó, cùng với các quyết định thu hồi khác, khi ban hành quyết định thu hồi số 112, UBND huyện T2 đã ban hành Quyết định kèm theo quyết định thu hồi này là Quyết định số 170/QĐ-UBND-HC vào ngày 31/12/2013 – đây là quyết định hủy giấy chứng nhận quyền sử dung đất đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 786. Tuy nhiên, khi giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông L, Tòa án cấp sơ thẩm đã không xem xét đến quyết định này là giải quyết chưa triệt để yêu cầu của đương sự, bởi vì đây là quyết định có liên quan đến quyết định số 112. Thiếu sót này được xem là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Bên cạnh đó, một thiếu sót mà Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, đó là: Tại bản án sơ thẩm thể hiện trong Hội đồng xét xử có Hội thẩm nhân dân tên Nguyễn Việt Trung, nhưng tại biên bản nghị án tại phần trên lại thể hiện Hội thẩm nhân dân là Nguyễn Việt Hùng.

[3] Tóm lại: Trong quá trình giải quyết vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ chứng cứ để làm cơ sở cho việc giải quyết, bỏ sót tư cách tham gia tố tụng của đương sự và đặc biệt là chưa xem xét, giải quyết triệt để yêu cầu của đương sự và được coi là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Vì vậy cần hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho tòa án tỉnh Đồng Tháp giải quyết lại theo đúng luật định.

[4] Do hủy án sơ thẩm, vì vậy ông L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính,

Hủy toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 15/2016/HC-ST ngày 13/7/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai giữa người khởi kiện ông Lê Văn L đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2 và Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Hoàn trả ông Lê Văn L số tiền 200.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 032526 ngày 21/7/2016 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp (do ông Lê Hữu P nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Cục THADS tỉnh Đồng Tháp;
-NKK (1);
-NBK (3);
-NLQ (1);
- Lưu (3) 16b (Án39)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Mười